

DANH SÁCH THÍ SINH TRÚNG TUYỂN ĐẠI HỌC LIÊN THÔNG HCQ NĂM 2014

(đối tượng tốt nghiệp cao đẳng hệ chính quy sau thời hạn 36 tháng)

Trang 1

STT	Số Báo Danh	Họ và Tên	Ngày sinh	Phái	Hộ khẩu	ĐT	KV	Mã hồ sơ	Ngành	ĐM1	ĐM2	ĐM3	ĐTC0	ĐTC	LT	TT
1	SKN.L.00001	Bùi Tuấn Anh	02/07/89		Thành phố Nam Định		2	99.99. 00072	C202	8.50	8.00	2.50	19.00	19.00	LT	TT
2	SKN.L.00002	Trần Anh Chung	11/10/83		Thành phố Thái Bình		2	99.99. 00054	C201	9.75	9.00	9.00	27.75	28.00	LT	TT
3	SKN.L.00003	Đặng Xuân Chung	03/03/84		Huyện Mỹ Lộc		2	99.99. 00031	N307	8.00	8.75	8.25	25.00	25.00	LT	TT
4	SKN.L.00006	Dương Thị Dung	16/04/82	Nữ	Huyện ý Yên		2NT	99.99. 00047	C202	9.00	9.00	9.00	27.00	27.00	LT	TT
5	SKN.L.00009	Đoàn Mạnh Đạt	06/02/82		Thành phố Thái Bình		2	99.99. 00058	C206	7.75	7.00	9.00	23.75	24.00	LT	TT
6	SKN.L.00013	Vũ Thị Hải	24/11/88	Nữ	Huyện Trực Ninh	06	2	99.99. 00018	C201	9.00	8.75	7.50	25.25	25.50	LT	TT
7	SKN.L.00014	Nguyễn Hoài Hải	07/05/70		Thành phố Nam Định		2	99.99. 00078	C202	8.00	8.50	9.25	25.75	26.00	LT	TT
8	SKN.L.00015	Hoàng Thị Thanh Hải	02/02/86		Thành phố Nam Định		2	99.99. 00073	C201	9.25	8.25	8.00	25.50	25.50	LT	TT
9	SKN.L.00016	Lê Xuân Hải	18/09/82		Thành phố Thanh Hoá		2	99.99. 00007	C202	9.00	8.75	7.75	25.50	25.50	LT	TT
10	SKN.L.00017	Đào Thị Hạnh	22/03/89	Nữ	Huyện Vũ Thư		2NT	99.99. 00070	N307	8.00	5.25	7.25	20.50	20.50	LT	TT
11	SKN.L.00027	Bùi Thị Giang Hương	23/10/87	Nữ	Huyện Vụ Bản		2NT	99.99. 00076	C201	9.25	8.25	7.00	24.50	24.50	LT	TT
12	SKN.L.00028	Đỗ Thị Hường	13/11/80	Nữ	Huyện Vũ Thư		2NT	99.99. 00077	N307	9.75	8.00	6.00	23.75	24.00	LT	TT
13	SKN.L.00029	Bùi Xuân Hưởng	10/12/89		Huyện ý Yên		2	99.99. 00025	C202	9.75	6.25	8.75	24.75	25.00	LT	TT
14	SKN.L.00033	Bùi Văn Lợi	22/01/84		Huyện Trực Ninh		2NT	99.99. 00046	C202	10.00	8.25	7.50	25.75	26.00	LT	TT
15	SKN.L.00034	Nguyễn Thị Lý	01/05/81	Nữ	Huyện Vũ Thư		2NT	99.99. 00079	C201	9.00	8.25	8.75	26.00	26.00	LT	TT
16	SKN.L.00037	Nguyễn Văn Nghệ	14/04/77		Thành phố Nam Định		2	99.99. 00008	C202	9.75	8.50	8.25	26.50	26.50	LT	TT
17	*SKN.L.00039	Nguyễn Thị Ngọc	12/04/84	Nữ	Thành phố Nam Định		2NT	99.99. 00067	C201	9.25	8.00	8.00	25.25	25.50	LT	TT
18	SKN.L.00040	Phan Thị ánh Nguyệt	09/03/82	Nữ	Thành phố Nam Định		2	99.99. 00043	C202	9.50	9.25	8.00	26.75	27.00	LT	TT
19	SKN.L.00046	Nguyễn Quang Thiệp	30/10/84		Huyện Nam Trực		2	99.99. 00021	C206	8.75	7.50	8.00	24.25	24.50	LT	TT
20	SKN.L.00047	Lê Thị Thịnh	19/12/80	Nữ	Huyện Nam Trực		2	99.99. 00037	N307	9.75	7.50	8.50	25.75	26.00	LT	TT
21	SKN.L.00048	Trần Thị Thoa	20/03/83	Nữ	Thành phố Nam Định		2	99.99. 00022	C201	9.00	8.25	8.00	25.25	25.50	LT	TT
22	SKN.L.00049	Phạm Đình Thỏa	28/01/86		Huyện ý Yên		2NT	99.99. 00060	C205	7.75	7.00	8.50	23.25	23.50	LT	TT
23	SKN.L.00050	Trần Minh Thông	25/09/79		Huyện Xuân Trường		2NT	99.99. 00045	C202	8.00	8.25	9.50	25.75	26.00	LT	TT
24	SKN.L.00051	Trần Thị Thúy	26/11/87	Nữ	Huyện Bình Lục		2	99.99. 00004	C201	7.25	7.50	8.00	22.75	23.00	LT	TT

DANH SÁCH THÍ SINH TRÚNG TUYỂN ĐẠI HỌC LIÊN THÔNG HCQ NĂM 2014
(đối tượng tốt nghiệp cao đẳng hệ chính quy sau thời hạn 36 tháng)

Trang 2

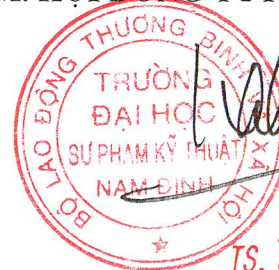
STT	Số Báo Danh	Họ và Tên	Ngày sinh	Phái	Hộ khẩu	ĐT	KV	Mã hồ sơ	Ngành	ĐM1	ĐM2	ĐM3	ĐTC0	ĐTC	LT	TT
25	SKN.L.00052	Trần Thị Hồng Thúy	14/01/85	Nữ	Thành phố Nam Định		2	99.99. 00062	N307	8.25	7.00	9.00	24.25	24.50	LT	TT
26	SKN.L.00053	Hoàng Biên Thùy	09/06/85	Nữ	Thành phố Nam Định	06	2	99.99. 00071	N307	9.00	7.75	8.50	25.25	25.50	LT	TT
27	SKN.L.00054	Đỗ Thị Như Thùy	18/06/82	Nữ	Huyện Vũ Thư		2NT	99.99. 00049	C201	6.25	8.00	7.50	21.75	22.00	LT	TT
28	SKN.L.00055	Đàm Lê Tiến	22/12/81		Thành phố Thanh Hoá		2	99.99. 00006	C206	8.00	5.25	9.00	22.25	22.50	LT	TT
29	SKN.L.00056	Trần Văn Tiếp	05/10/84		Huyện Lý Nhân		2	99.99. 00012	C202	7.25	9.00	8.50	24.75	25.00	LT	TT
30	SKN.L.00057	Nguyễn Thị Tinh	20/06/90	Nữ	Huyện Hà Trung		2NT	99.99. 00063	N307	8.50	6.50	7.25	22.25	22.50	LT	TT
31	SKN.L.00058	Lê Thị Mai Trang	26/09/90	Nữ	Huyện Hải Hậu		2NT	99.99. 00064	N307	8.50	7.25	8.50	24.25	24.50	LT	TT
32	SKN.L.00060	Nguyễn Xuân Trung	15/08/83		Thành phố Thanh Hoá		2NT	99.99. 00075	C204	7.75	7.00	9.00	23.75	24.00	LT	TT
33	SKN.L.00062	Phạm Bá Tuyển	06/05/82		Huyện Yên Mô		2	99.99. 00023	C204	7.00	8.00	7.75	22.75	23.00	LT	TT
34	SKN.L.00064	Nguyễn Tân Việt	12/01/86		Thành phố Nam Định		2	99.99. 00011	C202	7.00	7.50	8.00	22.50	22.50	LT	TT
35	SKN.L.00069	Nguyễn Thị Hằng	13/07/88	Nữ	Huyện Trực Ninh		2NT	99.99. 00080	C202	8.00	8.50	7.25	23.75	24.00	LT	TT
36	SKN.L.00071	Đỗ Thị Huệ	03/03/79	Nữ	Huyện Bình Lục		2NT	99.99. 00082	C204	5.75	6.75	6.50	19.00	19.00	LT	TT
37	SKN.L.00072	Hoàng Xuân Minh	25/02/80		Thành phố Thái Bình	06	2	99.99. 00083	C205	6.00	7.50	8.75	22.25	22.50	LT	TT

CỘNG TRƯỜNG SKNL : 37 THÍ SINH

NGƯỜI LẬP BIỂU

Đặng Nguyệt Thủy

Ngày ~~12~~ tháng ~~12~~ năm 2014
TM. HỘI ĐỒNG TUYỂN SINH HCQ



HIỆU TRƯỞNG
TS. Phan Sỹ Nghĩa